# Chi tiết mã HS 1602.42

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 1602.42 |
| **Mô tả hàng hóa** | Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác / - Từ lợn: / - - Thịt vai nguyên miếng và các mảnh của chúng: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 12/11/2026 04:12:23 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/160242/ |

## 2 dòng thuế thuộc 1602.42

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 1602.42.10 | Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác / - Từ lợn: / - - Thịt vai nguyên miếng và các mảnh của chúng: / - - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ | kg | 33% | 22% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 1602.42.90 | Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ, tiết hoặc côn trùng, đã chế biến hoặc bảo quản khác / - Từ lợn: / - - Thịt vai nguyên miếng và các mảnh của chúng: / - - - Loại khác | kg | 33% | 22% | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.